

ĐÔI NÉT VỀ VĂN HÓA CỦA NGƯỜI NGÁI Ở HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN

LÊ THỊ THỎA

1. Đặt vấn đề

Ngái là tộc người gồm các nhóm Xín, Lê, Đản, Xuyên, Hắc Cá, Ngái Lầu Mần... (Mai Thanh Sơn, 2009, tr. 699), được xếp vào nhóm ngôn ngữ Hán, thuộc ngữ hệ Hán - Tạng, tự nhận mình là người tại chỗ (*pùn ti nhản*). Tộc danh *Ngái* hay *Ngải* là theo tiếng Quảng Đông, còn *Nghỉn* là biến âm của chữ *Ngải* (ngã) nghĩa là *tôi*. Phần lớn người Ngái sinh sống gần đồng bằng, trung du, ven biển... nên đường sá đi lại thuận tiện. Do dân số ít, người Ngái ở nước ta hiếm khi cư trú thành làng riêng mà thường sống xen kẽ với một số dân tộc khác.

Người Ngái có nguồn gốc từ Quảng Đông (Trung Quốc) di cư đến Việt Nam đã lâu (Viện Dân tộc học, 2014, tr. 527), nhưng có sự biến động về dân số. Theo Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999, dân tộc Ngái có 4.841 người; qua Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, chỉ còn 1.035 người. Nguyên nhân là do sau những biến cố trong quan hệ Việt Nam - Trung Quốc, người Ngái khai đổi thành tộc danh của dân tộc sống cận cư (Sán Dìu, Sán Chay, Nùng...). Đặng Nghiêm Vạn cho rằng, người Ngái có ý thức tự giác tộc người chưa thật rõ ràng nên về số lượng hay thay đổi thất thường do chịu ảnh hưởng của tình hình chính trị mà địa bàn người Ngái cư trú cũng luôn biến đổi (Đặng Nghiêm Vạn, 2003, tr. 335-336). Bảng Danh

mục các thành phần dân tộc Việt Nam công bố năm 1979 cho biết, địa bàn cư trú của người Ngái là các tỉnh Quảng Ninh, Cao Bằng, Lạng Sơn. Song theo Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, các tỉnh này đều không có người Ngái. Các địa phương có người Ngái cư trú hiện nay với số lượng rất ít, đông nhất là tỉnh Thái Nguyên có 495 người, chiếm gần 50% tổng số người Ngái ở nước ta; thứ hai là tỉnh Bình Thuận có 157 người.

Đến nay chỉ có ít ấn phẩm về người Ngái, như: *Về tộc danh Đản, Sán trong nhóm người Hoa ở vùng ven biển Quảng Ninh* của Nguyễn Trúc Bình (1972); *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)* của Viện Dân tộc học (1978); *Người Hoa, người Ngái ở Việt Nam và âm mưu của chủ nghĩa bá quyền Trung Quốc* (1979); *Cộng đồng quốc gia các dân tộc Việt Nam* của Đặng Nghiêm Vạn (2003); *Dân tộc Ngái* của Mai Thanh Sơn trong *Địa chí Thái Nguyên* (2009); *Hôn nhân và gia đình của người Ngái thôn Đồng Tâm, xã Đồng Liên, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên* của Nguyễn Linh Hương (2015), *Người Ngái ở thôn Cầu Vòng (Bắc Giang): Lịch sử tụ cư, đặc điểm văn hóa và biến đổi* của Hoàng Thị Hối (2015). Trên cơ sở tư liệu điền dã tháng 6/2015, bài viết này đề cập đến một số yếu tố văn hóa truyền thống và biến đổi của người Ngái ở huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Một số yếu tố văn hóa vật chất

2.1. Nhà cửa

Nhà ở cổ truyền của người Ngái thuộc kiểu nhà trệt trình tường đất hoặc xây bằng gạch mộc, lợp lá cọ hoặc gianh. Họ trình tường nhà bằng đất sét, lầy ở tầng sinh thổ về đập nhỏ, nhào nước cho trâu quần kỹ rồi mới đổ khuôn. Không gian nhà ở truyền thống được bố trí theo cách nhất định: nhà chính nằm phía tay phải rồi đến nhà bếp, giếng nước, nhà vệ sinh, chuồng trại gia súc đều tách riêng với nhà chính về phía tay trái (Mai Thanh Sơn, 2009, tr. 707). Theo đó, tổ hợp nhà ở của người Ngái xưa theo dạng nhà phòng thủ, khép kín, có cổng chính ra vào, mọi sinh hoạt của gia đình diễn ra ở phía bên trong cánh cổng. Hiện nay, qua khảo sát ở thôn Tam Thái của huyện Đồng Hỷ, các ngôi nhà trình tường đã thay thế bằng nhà xây cấp 4 lợp ngói hoặc nhà mái bằng kiên cố, có tường xây bao quanh. Tốc độ biến đổi diễn ra nhanh nhất từ khi trong thôn có nhiều người đi xuất khẩu lao động gửi tiền về xây dựng những ngôi nhà có kiến trúc như hiện nay. Nếu trước kia, nhìn vào kiểu nhà ở có thể nhận biết khu sinh sống của người Sán Dìu hoặc người Ngái thì nay hầu hết các ngôi nhà trong thôn đều xây theo kiểu hiện đại, khang trang, công trình vệ sinh khép kín.

Trong ngôi nhà chính, bàn thờ đặt ở gian giữa đối diện cửa ra vào, có bộ bàn ghế tiếp khách, giường ngủ được bố trí ở hai gian bên. Theo đó, nữ giới thường ngủ trong buồng được ngăn riêng, giường ngoài dành cho nam giới hoặc khách nam. Ngày nay, tuy kiểu dáng ngôi nhà thay đổi, nhưng nhìn chung cách bố trí mặt bằng sinh hoạt vẫn

theo tập quán trước đây. Đến nay, trong quá trình làm nhà, người Ngái ở Đồng Hỷ vẫn tuân thủ các kiêng kỵ và tín ngưỡng liên quan đến việc chọn thế đất, hướng đất hợp với tuổi vợ chồng gia chủ. Bên cạnh đó, họ còn phải xem ngày khởi công, ngày vào nhà mới; khi khánh thành nhà mới, chủ nhà phải mời thầy cúng đến làm lễ đưa bát hương lên bàn thờ và mời gọi tổ tiên vào nhà.

2.2. Trang phục

Chất liệu may quần áo xưa kia của người Ngái là vải bông dệt thủ công, trang phục có phân biệt theo giới, lứa tuổi và cảnh huống sinh hoạt. Người giàu thường mặc đồ màu trắng hay màu mỡ gà. Người dân lao động mặc áo nhuộm chàm hoặc thuốc công nghiệp. Đàn ông Ngái mặc quần áo giống người Hoa: quần chân què lá tọa, áo kiểu xá xẩu xẻ ngực cài khuy vải và có 2 hoặc 3 túi. Phụ nữ mặc áo dài 5 thân, dài quá hông, không có túi, cài khuy tết bằng vải ở nách bên phải; quần may hơi bó thân, gấu buông ngang mắt cá chân, nối cạp và có dây rút để thắt lưng (Mai Thanh Sơn, 2009, tr. 709).

Hiện nay, người Ngái ở Tam Thái (Đồng Hỷ) duy nhất có cụ Thẩm Thị Lan (sinh năm 1933) còn lưu giữ bộ y phục nữ đã cũ, riêng hình ảnh về bộ trang phục Ngái truyền thống chỉ còn trong ký ức của lớp người già. Năm 2011, khi chị Trần Thị Hậu tham gia trình diễn trang phục cổ truyền của người Ngái tại làng Văn hóa các dân tộc ở Đồng Mô (Sơn Tây, Hà Nội) đã phải tham khảo ý kiến của những người cao tuổi trong thôn để phục dựng lại bộ trang phục truyền thống theo đúng mẫu. Sự mai một không chỉ vì di chuyển cư, mà chủ yếu là do giao lưu văn hóa, xu hướng thời trang và sự tiện lợi

của vải may công nghiệp trên thị trường mà trang phục người Ngái có sự thay đổi theo kiểu âu phục như bây giờ.

2.3. Ẩm thực

Lương thực chính mà người Ngái sử dụng cho bữa ăn hàng ngày là gạo tẻ, gạo nếp và một số loại ngũ cốc khác như ngô, đậu tương đen... Thực phẩm là các loại rau củ theo mùa, các loại thịt gồm thịt lợn, gà, cá, trứng...

Trước đây, người Ngái có thói quen ăn cháo, không chỉ phản ánh thời kỳ sản xuất lương thực không đủ ăn, mà còn vì nước cháo với chất dinh dưỡng giúp cải thiện con khát, có thể thay cho nước uống khi lao động mệt nhọc. Sau năm 1986, đồng bào ăn cơm là chính, cháo nấu từ ngô đã thay bằng gạo tẻ để ăn phụ. Song, các món ăn của họ vẫn được chế biến theo khẩu vị và phong cách Quảng Đông (Trung Quốc), chủ yếu thiên về các món chiên, rán, hầm, bung... với khẩu vị cay, ngọt. Đặc biệt, món *khau nhục* vẫn được duy trì, tuy chế biến rất kỳ công, tầm ướp ít nhất 10 loại gia vị. Món củ cải muối (*ca la thầu*) còn có tên gọi khác *tàu soi* - món ăn khá ưa thích của người Ngái, củ cải được thái mỏng đem phơi khô rồi muối ăn dần, xưa kia thường ăn kèm với cháo. Đây cũng là cách bảo quản và dự trữ thức ăn. Chẳng hạn như thịt lợn, họ thường bảo quản dưới dạng ướp muối để ăn cả năm.

Giống như người Hoa, người Ngái hay chế biến món *tàu xì* từ đậu tương để kho thịt, cá hoặc dùng làm đậu phụ... Tùy mỗi món ăn mà họ sử dụng gia vị tương thích để tầm ướp khi chế biến, làm tăng độ hấp dẫn, đồng thời có tác dụng chữa bệnh, bồi bổ sức khỏe. Người Ngái làm nhiều loại bánh từ gạo tẻ và

gạo nếp vào dịp lễ tết hoặc khi nhà có công việc. Chẳng hạn, bánh ba góc làm từ gạo nếp trộn đỗ đen, bánh bò gồm bột gạo tẻ trộn đường ủ lên men rồi hấp như bánh bao. Các loại bánh rọm, bánh dày, bánh chưng, bánh gio được chế biến vào các dịp tết hoặc trong các nghi lễ sinh nhật, cưới, ma chay, vào nhà mới...

Gần đây, đời sống kinh tế cải thiện, một mặt chịu sự tác động của kinh tế thị trường, mặt khác do tiếp biến văn hóa nên thói quen ăn uống của người Ngái ở huyện Đồng Hỷ có nhiều biến đổi, món ăn giảm độ cay, ngọt và ít dầu mỡ hơn (Mai Thanh Sơn, 2009, tr. 706). Chế độ ăn được chia làm 3 bữa: bữa sáng là phụ, bữa trưa và tối là chính. Khẩu phần ăn đa dạng, bổ sung thêm nhiều món ăn phổ thông. Một số món truyền thống như *khau nhục*, *tàu xì*, các món hấp... vẫn được duy trì trong dịp trọng đại như đám cưới, lễ tết. Bên cạnh các loại rau, thịt tự sản xuất, người Ngái cũng mua nhiều loại thịt có sẵn ở chợ nên không phải dự trữ thực phẩm bằng ướp muối hay làm chua như trước kia. Trong mỗi dịp lễ tết, nhiều gia đình thường đặt các loại bánh của một số hộ làm dịch vụ trong thôn hoặc mua ở chợ.

Riêng đồ uống, thói quen uống nước lã được thay thế bằng nước đun sôi để nguội và uống nước chè. Rượu vẫn là đồ uống không thể thiếu trong sinh hoạt hàng ngày của người Ngái, dùng để tiếp khách, trong các nghi lễ. Ngoài rượu gạo và sắn, trước kia người Ngái còn chưng cất rượu từ mật mía, nay chủ yếu nấu từ gạo. Tuy nhiên, người Ngái uống rượu có chừng mực, hiếm hiện tượng uống nhiều hoặc ép uống say. Bên cạnh đó, đồ uống công nghiệp như bia, nước ngọt, nước tăng lực... cũng được đồng bào sử dụng phổ biến.

3. Các nghi lễ chủ yếu trong chu kỳ đời người

3.1. Hôn nhân và cưới xin

Hôn nhân cổ truyền ở người Ngái về cơ bản giống dân tộc Hoa, nguyên tắc và những quy định trong hôn nhân khá chặt chẽ. Đó là ngoại hôn dòng họ trong cùng dân tộc; các quan hệ hôn nhân giữa con cô - con cậu, con dì - con già bị cấm (Mai Thanh Sơn, 2009, tr. 712). Song, nguyên tắc nội hôn tộc người không nghiêm, bởi các gia đình người Ngái hiện nay phổ biến là hỗn hợp dân tộc. Với người Ngái thôn Tam Thái, hôn nhân hỗn hợp chiếm 68,5%: 55,6% là gia đình hỗn hợp Ngái - Việt; 5,5% Ngái - Sán Dìu; 5,5% Ngái - Nùng và 1,9% Ngái - Tày. Hôn nhân Ngái - Việt có từ những năm 1950, đối với thế hệ người Ngái định cư đầu tiên ở Tam Thái. Từ khi đến Thái Nguyên họ cư trú gần người Việt, cùng làm công cho các địa chủ người Việt, nên có quan hệ hôn nhân. Riêng người Ngái ở thôn Đồng Liên, xã Đồng Tâm (Phú Bình, Thái Nguyên), theo Nguyễn Linh Hương (2015), trong 80 cặp kết hôn từ năm 1955 đến năm 2015: hôn nhân Ngái - Kinh (Việt) chiếm 93,5%; hôn nhân Ngái - Tày và Ngái - Sán Dìu cùng chiếm 2,6%; Ngái - Nùng chiếm 1,3%. Chưa kể hôn nhân với người nước ngoài, với 2 trường hợp lấy chồng ở Phúc Kiến (Trung Quốc), 1 người lấy chồng Đài Loan, 1 người lấy chồng ở Canada; cả 4 trường hợp đều là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp, có lễ cưới, 2 trường hợp quen nhau khi đi xuất khẩu lao động, 2 trường hợp được họ hàng giới thiệu, môi giới (Nguyễn Linh Hương, 2015, tr. 52 và 66). Thôn Tam Thái của huyện Đồng Hỷ

cũng có 1 người Ngái lấy chồng Trung Quốc từ năm 1980, thông qua mai mối của người thân nhưng không đăng ký kết hôn, thỉnh thoảng vẫn về quê thăm họ hàng.

Ở người Ngái tuy hôn nhân một vợ một chồng, song tình trạng 5 thê 7 thiếp đã từng tồn tại. Theo ông T. H. P. (sinh năm 1940) ở xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, đời ông nội ở Hà Cối (Quảng Ninh) có 2 vợ, sống cùng nhà; những gia đình không có con trai, người chồng có thể lấy vợ lẽ. Điều này cho thấy, hôn nhân ở người Ngái chủ yếu nhằm duy trì nòi giống, phải có con trai nối dõi nên họ luôn mong mỏi con cái sớm lập gia đình, yên bề gia thất khi chúng đã trưởng thành. Trước đây, độ tuổi kết hôn của người Ngái đối với nam và nữ đều từ 18 - 20 tuổi trở lên. Khảo sát ở thôn Tam Thái (2015) cho thấy, độ tuổi kết hôn trung bình từ 21 - 25 tuổi, tăng lên so với trước. Hôn nhân tự nguyện, tự tìm hiểu dựa trên quyết định của đôi trai gái, không còn phụ thuộc sự sắp đặt của bậc sinh thành.

Theo truyền thống, việc hôn nhân và cưới xin nhất định phải có ông mai, bà mối trợ giúp. Khi gia đình có con trai đến tuổi lấy vợ, có thể lựa chọn và nhờ cậy người làm mối. Người này sẽ thay mặt nhà trai đi tìm và đánh tiếng với nhà gái. Khi nhà gái chấp nhận, ông mai, bà mối sẽ đem tờ giấy ghi tuổi của chàng trai đến so với tuổi của cô gái (Mai Thanh Sơn, 2009, tr. 713). Nếu hợp tuổi sẽ tiến hành các thủ tục cưới xin bao gồm các bước dạm hỏi, ăn hỏi, cưới và lại mặt. Mọi liên hệ giữa nhà trai và nhà gái đều thông qua người làm mối, do đó người được chọn làm mối phải khéo ăn nói, gia đình êm ấm, có nhiều con trai.

Bản chất hôn nhân ở đây là gả bán do nhà gái thách cưới mà trước kia gồm: 40 bơ gạo nếp, 60 bơ gạo tẻ, 50 lít rượu trắng, 100kg thịt lợn hơi với đồ trang sức như 1 nhẫn, 2 hoa tai vàng, 1 bộ xà tích bằng bạc và 10 - 20 đồng bạc trắng; lễ vật đựng trong những chiếc ký bằng tre dán giấy đỏ, sắp thành từng gánh, bắt buộc phải chẵn (Mai Thanh Sơn, 2009, tr. 713). Ở đám cưới cổ truyền thường nhờ 2 cô gái trong thôn đưa thiệp cho các gia đình được mời, nay chủ nhà đích thân đi mời; ngày cưới chú rể chỉ đến đón vợ ở giữa đường, riêng bà mối và một bà cô, một bà dì của anh ta thì đến nhà gái đón dâu. Sau cưới, hai vợ chồng và ông mối hoặc bà mối trở về nhà gái lại mặt, mang theo đôi gà, 2 chai rượu, 1 mâm xôi (Mai Thanh Sơn, 2009, tr. 714). Người Ngái xưa có tục, dịp cưới cô gái phải khóc 3 ngày về công lao của cha mẹ, thậm chí nhờ cả bạn gái đến khóc cùng, từ sau năm 1960 đã bỏ tục này. Theo ông T. H. P. ở xã Khe Mo, ngày xưa người Ngái và người Hoa còn có tục cướp dâu, hôm đón dâu phải chọn 2 người giỏi võ vào buồng cướp cô dâu ra kiệu¹.

Trải qua thời gian, dưới tác động từ nhiều yếu tố, hôn nhân và cưới xin của người Ngái ở huyện Đồng Hỷ đã biến đổi. Trước những năm 1950, phổ biến hôn nhân

¹ Về phong tục cưới xin của nhóm Dân Gia lão sống ở vùng biển Quảng Ninh xưa kia tục cướp dâu từng là phong tục khá đặc biệt của người Ngái. Thuyền đón dâu bất ngờ áp vào mạn thuyền của cô dâu, việc bắt dâu thường tiến hành vào lúc 1- 2 giờ sáng. Khi trở về, đoàn thuyền trang trí thành hình người cá, khoa chiêng, múa trống ăn mừng, biểu hiện niềm vui lớn lẫn át đi sự hung dữ, hiểm nguy của biển cả. Sau khi cô dâu được cướp về, lễ cưới được tiến hành ở nhà trai. Sáng hôm sau, cô dâu ra mắt trình diện gia đình chồng, buông xõa tóc để thề ăn ở chung thủy với chồng suốt đời (dẫn theo Phạm Thị Cảnh, “Phong tục tập quán, tín ngưỡng dân gian của người Ngái”, *Thông báo Dân tộc học năm 2015*).

với người khác tộc, nhất là với người Việt. Những cặp hôn nhân với cô dâu người Việt quê Hưng Yên, Nam Định, Thái Bình... thường tổ chức gọn nhẹ, mọi thủ tục rất đơn giản, chỉ có hai gia đình và họ hàng liên hoan để chúc phúc. Thời bao cấp, nghi lễ hôn nhân và cưới xin giữa người Ngái với người Ngái vẫn được duy trì theo truyền thống. Khoảng thời gian từ 1986 đến năm 2000, phong tục cưới xin của người Ngái vẫn theo tập quán nhưng có sự ảnh hưởng từ người Việt. Gần đây, việc cưới xin đã bỏ qua bước dạm hỏi tức tiến hành ăn hỏi luôn, lễ vật thách cưới chủ yếu bằng tiền mặt và 5 tráp hay 7 tráp tùy sự thỏa thuận của hai gia đình, đồ dẫn cưới không bắt buộc phải chẵn. Trước đây cần có người làm mối, nay chỉ cần đại diện hai bên gia đình và chú rể cũng đã đến nhà gái đón dâu. Quy mô đám cưới phụ thuộc vào số khách mời và mối quan hệ của gia đình, tiền mừng đám cưới 150.000 - 200.000 đồng. Song, một số tục lệ vẫn lưu giữ như: tục lại mặt, tục cho của hồi môn hôm cưới (bố mẹ cô dâu thường cho con gái 1 - 2 chỉ vàng), món ăn cỗ truyền như *khau nhục* vẫn có trong cỗ cưới.

3.2. Sinh đẻ và nuôi dạy con cái

Như nhiều dân tộc, với người Ngái, càng nhiều con càng chứng tỏ phú quý nên sinh đẻ là nghĩa vụ của phụ nữ. Khi có thai người phụ nữ nhận được sự quan tâm của cộng đồng, nhất là gia đình, dòng họ. Khi chữa, họ chỉ làm công việc nhẹ, ăn những thức giàu dinh dưỡng cho thai nhi. Theo Mai Thanh Sơn, ở Thái Nguyên, phụ nữ Ngái mang thai không được ăn thịt trâu, thịt chó, các động vật thủy sinh không có vẩy... Theo Hoàng Thị Hối, phụ nữ Ngái ở thôn Cầu Vòng (Bắc Giang) khi có thai phải kiêng ăn

măng tre, bí đỏ, rau cần sợ lúc đẻ sẽ bị băng huyết; không đi lại nơi cửa chính, kỵ ngồi đối diện cửa bếp, không ngồi lên củi và ống thổi lửa vì sợ trẻ sinh ra dễ bị mụn nhọt; không bước vào chuồng trâu sợ chữa trâu, không ngủ qua đêm ở nhà bố mẹ đẻ do sợ bà mẹ làm sẩy thai...; riêng nhóm Ngái ven biển trước kia còn kiêng bước qua thừng trâu, không mua sắm quần áo mới, không ăn ốc và thịt bò, thịt dê vì sợ ảnh hưởng đến màu da của đứa bé... (Phạm Thị Cảnh, 2015).

Trước đây, người Ngái đẻ tại nhà, ngay trong buồng với sự trợ giúp của mẹ đẻ, mẹ chồng hoặc bà đỡ có kinh nghiệm. Cuống rốn và nhau thai của trẻ được cho vào ống tre chôn ở phía sau nhà (Mai Thanh Sơn, 2009, tr. 714). Khi ở cữ, mẹ đẻ và mẹ chồng thay nhau chăm sóc sản phụ, kiêng gió và nước, sau 15 ngày mới được tắm bằng một loại lá cây rừng hoặc lá sau sau. Sản phụ ăn thịt gà, thịt lợn nạc nấu với rượu và gừng hoặc gà hầm thuốc bắc, tam thất. Ngoài ra, họ còn được tắm bổ bằng các món cháo hầm móng giò để có sữa cho con bú, ủ 30 quả trứng gà với một hũ rượu ăn trong vòng một tháng để tăng cường chất dinh dưỡng.

Người Ngái làm dấu hiệu khi gia đình có phụ nữ mới đẻ bằng cách cắm cành cây xanh trước cửa nhà. Nếu vợ và chồng đều là người Ngái thì người lạ có thể đến nhà sau 3 ngày sản phụ sinh, nhưng kỵ vào buồng; riêng gia đình hỗn hợp dân tộc, tục cấm kỵ kéo dài 7 ngày đối với trẻ sơ sinh là trai và 9 ngày - nếu trẻ là gái (Mai Thanh Sơn, 2009, tr. 714). Trước đây, người Ngái ở Đồng Hỷ có tục lệ cứ ai đến thăm phụ nữ ở cữ thì được gia đình mời uống một ly rượu nếp để

tránh xui xẻo, nay họ đã bỏ tục này. Việc đặt tên cho trẻ tùy thuộc từng gia đình và dòng họ ở mỗi địa phương. Thông thường, đứa bé sinh ra thì được đặt tên luôn; tên của cháu trai đầu lòng do ông nội đặt, tên của cháu gái do bà nội hoặc bà ngoại đặt, tên của những đứa con tiếp theo do cha mẹ đặt. Tên ấy tránh trùng tên với mọi người trong nhà, dòng họ. Ở Bắc Giang, trẻ gần 1 tháng tuổi, gia đình mới đem ngày, giờ, tháng, năm sinh của trẻ đến nhờ thầy cúng xem tử vi và đặt tên (Hoàng Thị Hôi, 2015, tr. 124).

Ngày nay, do dịch vụ y tế thuận tiện, phụ nữ Ngái đều đến các cơ sở y tế để sinh con; từ khi mang thai, họ đến khám định kỳ tại bệnh viện. Những kinh nghiệm dân gian trong chăm sóc con cái vẫn được duy trì, còn các kiêng kỵ trong ăn uống thì đã được lược bỏ. Đồng bào đã tiếp cận các dịch vụ chăm sóc trẻ em như: tiêm chủng, uống vitamin... Người mẹ vẫn đóng vai trò chính khi trẻ còn nhỏ, lớn lên thì được người cha kèm cặp và định hướng tương lai cho con. Với người Ngái, cha có tiếng nói hơn người mẹ khi quyết định các công việc trọng đại và con cái thiên về nghe lời bố hơn, thể hiện tính gia trưởng vẫn tồn tại, chi phối các mối quan hệ gia đình, kể cả nuôi dạy con cái. Song, quan niệm sinh con trai con gái không còn quá quan trọng, con trai hay con gái đều được đầu tư học hành ngang nhau. Tư tưởng trọng nam khinh nữ vốn nặng nề với người Ngái trước kia thì nay đã giảm bớt. Hầu hết các gia đình trẻ người Ngái thôn Tam Thái thuộc huyện Đồng Hỷ chỉ sinh 2 con, dù trai hay gái.

3.3. Tang ma

Tang ma ở người Ngái thể hiện bản sắc văn hóa dân tộc. Dựa vào nguyên nhân và trường hợp chết mà tang ma được thực hiện với cách ứng xử khác nhau. Người chết già, chết bệnh, tức chết tại nhà thì coi là chết lành, thi thể sẽ được quàn tại gian nhà chính để làm các thủ tục như: rửa mặt, thay quần áo mới... Nếu chết bất đắc kỳ tử, thi thể không được đưa vào nhà mà để phía sau nhà hoặc để trong lán và ma ngoài sân. Trước đây, ma chay phụ thuộc vào hoàn cảnh kinh tế, nếu gia đình khó khăn thì chỉ mời thầy đến yểm bùa và đem chôn; gia đình có điều kiện thì mời thầy về làm các nghi lễ gọi hồn nhập xác, tiễn hồn về Tây Thiên Phật Quốc, rồi mới đem người chết đi an táng (Mai Thanh Sơn, 2009, tr. 715).

Qua khảo sát ở thôn Tam Thái (Đồng Hỷ), tang ma của người Ngái ở đây giống với người Ngái ở Lục Ngạn (Bắc Giang), gồm các bước: báo tang, khâm liệm, phát tang, phúng viếng, an táng. Trách nhiệm làm đám tang thuộc về chủ nhà, con trai trưởng và các bậc cha chú trong dòng họ. Thông thường, cha mẹ ở với con trưởng hay con út thì người đó lo hậu sự với sự hỗ trợ của anh em trai, bởi người nào ở với cha mẹ thì được hưởng nhiều tài sản hơn những anh em khác tách ra ở riêng. Song, gia đình tang chủ luôn nhận được sự hỗ trợ của hàng xóm và họ hàng. Đặc biệt, *hàng phường (hội hiếu)* có các tổ chuyên trách giúp đỡ tang chủ lo hậu sự. Ở đây, thầy cúng rất quan trọng, tại thôn Tam Thái trước kia mọi đám tang đều do thầy cúng đồng tộc thực hiện; gần đây không có thầy người Ngái mà phải mời thầy cúng người Sán Dìu cùng thôn hoặc thầy người Ngái, người Hoa ở Lục Ngạn, Bắc Giang.

Người Ngái ở Tam Thái hiện nay có nghĩa địa chung. Sau khi chôn 3 ngày thì làm lễ sửa mộ và cúng cơm 50 đến 100 ngày tại nhà, rồi cúng nhập bát hương của người quá cố vào bát hương tổ tiên; đủ 1 năm mới đoạn tang; từ đó, cứ tiết Thanh minh hàng năm thì làm lễ tảo mộ. Người Ngái địa táng là chính, sau 3 - 5 năm mới cải táng. Do sống xen kẽ, chịu ảnh hưởng văn hóa tộc người cận cư nên tang ma của người Ngái ở Tam Thái có biến đổi. Bên cạnh những nghi lễ tâm linh vẫn đậm nét cổ truyền, có một số hình thức tổ chức theo phổ thông, nhất là gần đây có mời thêm đội thợ kèn của người Việt. Mỗi đội phường kèn khóc trong đám ma nhận thù lao 3 - 5 triệu đồng/đám. Theo các cụ người Ngái, do đất chật người đông và nghĩa địa chung nên tục xem hướng trước khi an táng nay bị lược bỏ. Người Ngái nay đã bỏ tục làm chay², chỉ cúng 100 ngày, đầy năm thì đưa bát hương lên bàn thờ tổ tiên. Họ làm giỗ, chỉ tổ chức sinh nhật với quan niệm “Chết rồi thì không cần thiết, khi còn sống mới cần vui vẻ”. Song, do ảnh hưởng từ người Việt, một số gia đình Ngái ở Tam Thái hiện nay cũng đã tổ chức giỗ, với ý nghĩa muốn sum họp gia đình, nhắc nhở con cháu nhớ về ông bà tổ tiên.

² Vì cho rằng những người trên 12 tuổi chết chỉ khi làm chay mới tái sinh sang kiếp khác. Theo một số tài liệu, những ngư dân Đán xưa kia sau khi chôn cất thì làm các lễ chay: vào tuần thứ 3 cúng 1 ngày, 1 đêm; tuần thứ 5 cúng 1 ngày nhiều đêm tùy thuộc điều kiện gia đình; tuần thứ 6, người tổ chức cúng là cháu trai; tuần 7 lễ vật cúng phải có muối; tuần 8 con gái đi xuất giá về cúng cha mẹ; tuần 9 cháu gái bên ngoại cúng; tuần 10 con trai cúng. Sau 120 ngày làm lễ đoạn tang, các anh em trai, cháu trai cho các chị em gái và cháu gái 9 cái bát, 9 đôi dĩa, 2 đôi đèn, 4 bó rau cải. Cách thức tổ chức cúng linh hồn cha mẹ lại một lần nữa biểu hiện sự liên minh của ba dòng họ trong tổ chức gia đình của người Ngái.

4. Đời sống tôn giáo tín ngưỡng, lễ tiết trong năm

4.1. Đời sống tôn giáo, tín ngưỡng

Người Ngái cư trú xen ghép nên phụ thuộc vào tổ chức xã hội của các tộc người sở tại. Đặc biệt, dù số lượng ít nhưng chính môi trường cư trú giữa các tộc người có cơ tầng văn hóa tương đồng mà đời sống tín ngưỡng cũng như một số phong tục và lễ tiết trong năm của người Ngái có sự giao thoa, tiếp biến vừa thể hiện nét riêng vừa mang tính phổ quát.

Người Ngái chỉ có tín ngưỡng dân gian với sự ảnh hưởng nhất định từ đạo Lão, đạo Phật. Theo đó, bàn thờ tổ tiên được đặt ở gian giữa trong nhà, trên đó có 3 bát hương: 1 bát thờ Phật Bà Quan Âm, 1 bát thờ Tổ tiên, 1 bát thờ Táo quân. Ngoài ra, họ còn thờ thần tài, thổ công, bà mụ. Người Ngái ở thôn Tam Thái không có đình nhưng có miếu. Tuy nhiên, gốc tích của ngôi miếu còn mờ nhạt, chỉ biết rằng nó có từ lâu và thờ Mã Đức Minh có công khai phá và lập nghiệp đầu tiên ở đây. Có thời điểm ngôi miếu bị xuống cấp và bỏ quên, song về sau lại được khôi phục, tu sửa. Hiện nay, miếu được giao cho dòng họ Phan trông nom. Người trong thôn vào ngày mùng Một hoặc ngày Rằm cũng hay đến lễ và thắp hương. Bên cạnh đó, người Ngái ở thôn Cầu vòng (Bắc Giang) lại có tục thờ thành hoàng làng và đình là nơi sinh hoạt tín ngưỡng của họ. Đình gồm 3 nơi thờ tự với các ban thờ Quán tì, ban thờ Thai vôong đại vương (có lẽ là một vị thành hoàng làng) và ban thờ Phật Bà Quan Âm, trong đó Thai Vôong Đại vương và Phật Bà Quan Âm là chính (Hoàng Thị Hối, 2015, tr. 39). Như vậy, tín ngưỡng của

người Ngái có nhiều nét tương đồng với người Hoa, người Việt.

4.2. Lễ tiết chính trong năm

Đến nay, phong tục lễ tiết chủ yếu của người Ngái vẫn được bảo lưu, cụ thể như sau:

Tết Nguyên đán: Từ 23 tháng Chạp, cúng tiễn ông Táo về trời; đến ngày 30 cúng tất niên. Theo người Ngái, khi giao thừa, ông Táo trở về nên các gia đình cúng đón ông Táo và đón tổ tiên về ăn tết. Dịp tết này, người Ngái có tục dán giấy đỏ vào tất cả các đồ vật từ công cụ lao động đến cây cối; kiêng sát sinh trong ngày mùng 1, kiêng nói những điều không hay; kiêng quét nhà, xin nước, xin lửa nhà khác. Tục cấm cây nêu ngày tết, xông đất, xông nhà, xuất hành đầu năm, xin lộc, lì xì vẫn được duy trì. Món ăn ngày tết được chuẩn bị như bánh chưng, mứt kẹo và các món ăn chay, ăn mặn. Người Ngái ở Tam Thái vẫn nấu chè cúng giao thừa. Người Ngái ở Cầu Vòng (Bắc Giang) làm loại bánh giống bánh trôi nước của người Việt, do tục cúng Phật Bà Quan Âm mà các món chay phải có (Hoàng Thị Hối, 2015, tr. 51). Mỗi dòng họ có quy định về số ngày thắp hương và làm cơm cúng tổ tiên dịp Tết. Có họ cúng đến mùng 2 thì hóa vàng, có họ hóa vàng ngày mùng 4... Dòng họ Thảm ở Tam Thái chỉ làm cơm cúng hết mùng 2, từ mùng 3 trở đi chỉ thắp hương đến Rằm tháng Giêng thì ăn tết lại khá linh đình. Nay do đời sống được nâng cao nên tục dán giấy đỏ không còn duy trì; tục con gái về tết bên ngoại bắt buộc phải chuẩn bị gà sống thối, nay được thay bằng các lễ vật khác như mứt kẹo, bánh, bia, nước ngọt và biếu tiền cha mẹ qua hình thức lì xì đầu năm.

Tết Thanh minh: Cứ đến dịp Thanh minh, người Ngái đi tảo mộ và ăn tết Hàn thực. Họ căn cứ vào lịch để tảo mộ và thường tiến hành trước 2 - 3 ngày, nhưng tuyệt đối không làm sau. Tết Thanh minh với sự sum họp của con cháu và họ hàng tổ chức sửa sang mộ cho người đã khuất, mang thịt lợn luộc và cơm xôi ra mộ cúng. Sau khi dọn dẹp và hóa quần áo, tiền vàng cho người đã khuất, các gia đình tự chuẩn bị đồ lễ để cúng tổ tiên tại nhà trong ngày tết. Người Ngái không làm món cầu kỳ thành mâm cúng mà chỉ đặt gà luộc nguyên con hoặc thịt lợn theo thói cùng với cơm cúng. Dịp tết này, họ chế biến nhiều loại bánh như bánh dày, bánh rộm, bánh gio, bánh chưng... thậm chí thổi cả xôi màu. Trước đây, tảo mộ thường tập hợp cả họ cùng làm, nay chia nhóm làm theo các nhánh, các chi, mỗi nhánh tập hợp ở một khu riêng, tảo mộ xong thì tập trung tại một gia đình thuộc nhánh đó cùng ăn bữa cơm để cùng chia sẻ và nhớ về tổ tiên, thể hiện tình cảm với người đã khuất.

Các tết Đoan ngo, Rằm tháng Bảy và Trung thu: Cũng như nhiều tộc người láng giềng, vào dịp tết Đoan ngo, Rằm tháng Bảy... hầu hết các gia đình người Ngái đều chuẩn bị chu đáo, làm cơm cúng tổ tiên, chế biến các món ăn truyền thống, thể hiện sự gắn kết giữa các thành viên trong nhà và dòng họ. Tại thôn Tam Thái, các dòng họ Trần, Lâm, Diệp, Phan đều tổ chức ăn tết Rằm tháng Bảy và Rằm tháng Tám, riêng họ Thảm chỉ ăn Rằm tháng Tám chứ không ăn Rằm tháng Bảy³. Họ Thảm còn có tục cúng bằng khoai sọ⁴...

³ Lý do xuất phát từ câu chuyện mà dòng họ Thảm vẫn truyền lại qua các đời rằng, ngày xưa, thời ông Tổ của dòng họ Thảm bị mất đàn trâu, phải Huy động

5. Một số nhận xét

Đời sống văn hóa của người Ngái nói chung, người Ngái ở huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên nói riêng tương đối phong phú. Song, sự suy giảm dân số hiện nay đang đặt ra vấn đề ý thức tộc người và việc bảo tồn văn hóa của người Ngái. Do dân số ít, họ phải sống xen cư nên xu hướng học hỏi và tiếp thu văn hóa của tộc người xung quanh là điều tất yếu, làm cho văn hóa tộc người Ngái bị mai một. Vì vậy, rất cần thiết có những nghiên cứu chuyên sâu và toàn diện về dân tộc Ngái theo tiến trình lịch sử tộc người một cách xuyên suốt, cập nhật những vấn đề cơ bản nhất về biến động dân số, địa bàn cư trú, kinh tế, văn hóa, xã hội đang diễn ra với tộc người này. Trên cơ sở đó, có chính sách phù hợp gắn với dân tộc Ngái để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo tồn văn hóa bởi vì kinh tế tộc người bền vững mới có điều kiện phát triển, khôi phục và lưu giữ các giá trị văn hóa truyền thống vốn có của tộc người, là căn cước quan trọng khẳng định ý thức tự giác tộc người.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và Nhà ở Trung ương (2010), *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009* (Kết quả toàn bộ), Nxb Thống kê, Hà Nội.

cả dòng họ đi tìm, khi tìm được trâu về đã qua Rằm tháng Bảy.

⁴ Chuyện kể rằng, ngày xưa, dòng họ Thảm rất nghèo, hay phải mua chịu thịt, có lần đang rán thịt để làm đồ cúng thì chủ nợ đến đòi nhưng không có tiền trả nên bị lấy luôn miếng thịt đang rán trong chảo, phải cúng khoai sọ thay thịt. Từ đó đến nay, dòng họ Thảm vẫn duy trì tục cúng tổ tiên phải có khoai sọ để nhớ về thời quá khứ (Theo lời kể của ông T. H. P. sinh năm 1940 ở xã Khe Mo; ông T. H. H. sinh năm 1923 ở xã Hóa Thượng, huyện Đông Hỷ).

2. Việt Bằng, Thi Nhi, Diệp Trung Bình (1979), “Người Hoa, người Ngái và âm mưu của chủ nghĩa bá quyền Trung Quốc”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 4-12.

3. Nguyễn Trúc Bình (1972), “Về tộc danh Đản, Sín trong nhóm người Hoa ở vùng ven biển Quảng Ninh”, *Thông báo Dân tộc học*, Số 1, tr. 90-96.

4. Phạm Thị Cảnh (2015), “Phong tục tập quán, tín ngưỡng dân gian của người Ngái”, Hội nghị *Thông báo Dân tộc học* năm 2015, Viện Dân tộc học.

5. Hoàng Thị Hôi (2015), *Người Ngái ở thôn Cầu Vòng (Bắc Giang): Lịch sử tụ cư, đặc điểm văn hóa và biến đổi*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội.

6. Nguyễn Linh Hương (2015), *Hôn nhân và gia đình của người Ngái thôn Đồng Tâm, xã Đồng Liên, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội.

7. Mai Thanh Sơn (2009), “Dân tộc Ngái”, trong: *Địa chí Thái Nguyên*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 689-718.

8. Lê Thị Thòà, Nguyễn Thị Thu, Lý Hành Sơn (2015), *Biến đổi kinh tế - xã hội của dân tộc Ngái từ 1980 - 2014*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp cơ sở, Viện Dân tộc học.

9. Đặng Nghiêm Vạn (2003), *Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Viện Dân tộc học (2014), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)* (Tái bản lần thứ nhất), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.



Gieo mạ của người Ngái ở thôn Tam Thái, xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

Ảnh: Lê Thị Thòà